

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 360/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 4 - 2019

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Q

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ C

2. Ông Vũ Trung K

- Thư Ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phi Y - Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Lê H – Kiểm sát viên

Trong các ngày 10 và 17 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 924/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Mỹ H, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Đường B, Phường L, quận T, Tp. HCM.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Đại H, Sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Đường B, Phường L, quận T, Tp. HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 07/9/2018 cùng lời trình tại bản tự khai và biên bản hòa giải của nguyên đơn – bà Hồ Thị Mỹ H thì bà và ông H tự nguyện kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/KH, Quyền số 01/2006, do Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23/01/2006. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, ông H thường xuyên đi nhậu, không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, bà thấy mình không được tôn trọng. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Khánh H, sinh ngày 21/10/2007 và Hồ Khánh T, sinh ngày 12/12/2012. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, mỗi trẻ 4.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn – ông Hồ Đại H trình bày:

Ông và bà H chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn như bà H trình bày. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, ông cũng có một số việc sai trái, nhưng đó chỉ là mâu

thuần trong sinh hoạt hàng ngày, không đến mức phải ly hôn. Nay bà H yêu cầu được ly hôn, ông không đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Khánh H, sinh ngày 21/10/2007 và Hồ Khánh T, sinh ngày 12/12/2012. Do ông không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì đến việc bà H nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn, bà Bùi Thị Mỹ H trình bày: Bà và ông H tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2006. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, ông H thường xuyên đi nhậu đến khuya mới về, nhiều khi bà phải đi ngủ trước. Từ khi cưới nhau đến nay ông H chỉ ăn cơm ở nhà được vài lần, số lần ăn cơm ở nhà với vợ con chỉ tính được trên đầu ngón tay. Tất cả công việc chăm sóc con cái ông H đều phó thác cho bà, nay bà thấy mệt mỏi, bà không muốn tiếp tục cuộc sống như vậy nữa. Đã nhiều lần ông H hứa thay đổi, nhưng vẫn không thực hiện, bà đã không còn niềm tin vào ông H. Nhiều khi ông H đi làm về khuya xong lại gọi điện la lối trên máy điện thoại, làm bà và con mất ngủ. Bà rất lo sợ khi phải sống với ông H. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Khánh H, sinh ngày 21/10/2007 và Hồ Khánh T, sinh ngày 12/12/2012. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, mỗi trẻ 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn – ông Hồ Đại H trình bày: Ông và bà H chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2006, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nhưng không đến mức như bà H trình bày. Ông làm về lĩnh vực xây dựng nên thường phải đi nhậu với khách hàng và nhân viên. Nhiều khi về nhà ông cũng có la mắng vợ con, nhưng một phần do bà H tạo cho ông những ức chế khi về nhà. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì ông còn thương vợ, con. Ông hứa sẽ khắc phục những khuyết điểm như bà H trình bày.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Khánh H, sinh ngày 21/10/2007 và Hồ Khánh T, sinh ngày 12/12/2012, nếu Tòa án xét xử cho bà H được ly hôn thì ông đồng ý để bà H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con, mỗi trẻ 5.000.000đ/tháng như yêu cầu của bà H.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã làm đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là không thể hàn gắn, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Mỹ H. Giao trẻ Hồ Khánh H và trẻ Hồ Khánh T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mỗi trẻ 5.000.000/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Bùi Thị Mỹ H nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, thì bị đơn – ông Hồ Đại H có cư trú tại , Đường B, Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó chuyển đến số Đường B, Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận T đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bà H và ông H theo đúng quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân:

Căn cứ vào bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 05/KH, Quyền số 01/2006, do Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23/01/2006 thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là hợp pháp. Nay bà H xin ly hôn vì quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, do ông H thường xuyên đi nhậu, đến khuya mới về, từ khi cưới đến nay ông H chỉ ăn cơm với gia đình được vài lần, bà H thấy mình không được tôn trọng. Nay bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, để bà ổn định cuộc sống. Tòa án xét thấy:

Quá trình hòa giải và tại phiên Tòa, bà H cương quyết ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, bà đã phải chịu đựng việc ông H không quan tâm đến gia đình quá lâu. Đã nhiều lần bà nói ông H sửa đổi nhưng không được, đến nay bà không còn tình cảm với ông H nữa.

Xét thấy, từ khi bà H nộp đơn ly hôn và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã động viên bà H và ông H quay về đoàn tụ, nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông H. Tòa án, xét thấy việc mâu thuẫn như bà H trình bày là có thật, nếu bà H quay về với ông H thì cũng không thể có hạnh phúc, Xét yêu cầu của bà H là có cơ sở, nên chấp nhận.

[4] Về con chung:

Theo lời trình bày của bà H và ông H và bản sao giấy khai sinh của các con do bà H cung cấp cho Tòa án, thì quá trình chung sống bà H và ông H có 02 con chung là Hồ Khánh H, sinh ngày 21/10/2007 và Hồ Khánh T, sinh ngày 12/12/2012, hiện đang ở với bà H và ông H, nay bà H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chưa thành niên là trẻ Khánh Huy, và trẻ Khánh Hương. Tòa án xét thấy:

Tại phiên Tòa hôm nay bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung là trẻ H và T, ông H đồng ý. Xét thấy việc giao 02 con chung cho bà H là có cơ sở và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ Khánh H là được ở với mẹ, nên chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay bà H yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con, mỗi trẻ 5.000.000đ/tháng, ông H đồng ý. Xét thấy, yêu cầu của bà H được ông H tự nguyện đồng ý, nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà H, ông H tự thỏa thuận giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà H, ông H khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Bùi

Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, ông Hồ Đại H phải chịu 300.000đ tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227; các điều 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 117, 119 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 2, 6, 7, 9, 26, 30, 31 và 32 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Mỹ H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Mỹ H được ly hôn ông Hồ Đại H.

- Về con chung: Bà Bùi Thị Mỹ H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Hồ Khánh H, sinh ngày 21/10/2007 và Hồ Khánh T, sinh ngày 12/12/2012. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi trẻ 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng) kể từ tháng 05/2019 cho đến khi các trẻ lần lượt đến tuổi thành niên.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mà chậm cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do bà Bùi Thị Mỹ H chịu, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0037050 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Hồ Đại H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Quận T;
- Chi cục THA dân sự Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tiến Q